

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2019/HS-PT

Ngày 16 – 9 – 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình và bà Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 270/2019/TLPT- HS ngày 13 tháng 8 năm 2019, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2019/HSST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thị Thuý N**, Sinh năm: 1976; tại Tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố M, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 10/12; Tiền án, tiền sự: không. Con ông Lê Văn N, sinh năm 1939 và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1952; Bị cáo có chồng là Trương Văn Đ, sinh năm 1974, có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2001. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/01/2019 đến ngày 30/01/2019 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Triệu Thị T**. (Tên gọi khác: Ngọc) Sinh năm: 1986; Tại tỉnh Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP N, khối T, thị trấn N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Y, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 05/12; Tiền án, tiền sự: không. Con ông Triệu Dương C, sinh năm 1964 và con bà Trần Thị T, sinh năm 1962; Bị cáo có chồng là Bùi Đức T, sinh năm 1984 (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2016. Bị

cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Huỳnh Minh Đ, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Cư trú tại: TDP B, Thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Cư trú tại: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Hoàng Kim K, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Cư trú tại: Thôn S, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

4. Anh Hoàng Việt P, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Cư trú tại: Thôn M, xã S, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Thuý N là chủ kinh doanh nhà nghỉ V ở tổ dân phố 10, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 13 giờ ngày 24/01/2019, N đang ở nhà nghỉ V thì có hai thanh niên tên là Hoàng Việt P và Hoàng Kim K đến thuê phòng nghỉ và hỏi mua dâm thì N đồng ý. P và N thỏa thuận một lượt bán dâm là 500.000 đồng/1 người, P đưa cho N 1.000.0000 đồng. N đưa số điện thoại của Triệu Thị T để P gọi thì T nghe máy xong P chuyển điện thoại cho N nghe. N nói với T “Chị N đây, em xuống nhà nghỉ bán dâm cho khách và nói có hai khách, em gọi ai thì gọi” thì T đồng ý. T gọi điện thoại cho Trần Thị Mỹ L xuống nhà nghỉ V để bán dâm cùng thì L đồng ý. T đi xe ôm từ nhà trọ ở thôn T, xã Y, huyện P đến gặp N, N đưa cho T 01 bao cao su rồi nói T vào phòng số 3 bán dâm cho Hoàng Việt P. Cùng lúc này thì L đến, N đưa cho L 01 bao cao su rồi nói vào phòng số 2 bán dâm cho Hoàng Kim K. Trong khi P và T đang thực hiện hành vi mua bán dâm, K và L đang chuẩn bị thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Công an huyện Krông Pắc bắt quả tang và thu giữ vật chứng liên quan gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 01 bao cao su nhãn hiệu Mensay, chưa qua sử dụng; 01 bao cao su nhãn hiệu Mensay, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu đen, bàn phím số chứa 01 thẻ sim điện thoại số 0845844143 của Triệu Thị T; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Mobistar, màu trắng, bàn phím số chứa 01 thẻ sim điện thoại số 0854474797 của Trần Thị Mỹ L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh-đỏ, bàn phím số chứa 01 sim điện thoại số 0334910174 của Hoàng Việt P.

Quá trình điều tra xác định: Nhà nghỉ V là nơi bị cáo Lê Thị Thuý N dùng để chứa mại dâm thuộc sở hữu của ông Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố 03, thị trấn P, huyện P, được N thuê lại năm 2017. Đối với số tiền 1.000.000 đồng N thu của P và K thì giữa N, T và L thỏa thuận N được hưởng

200.000 đồng tiền phòng, T hưởng 400.000 đồng, L hưởng 400.000 đồng tiền bán dâm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2019/HSST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thúy N phạm tội “Chứa mại dâm”; bị cáo Triệu Thị T phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Căn cứ khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 24/01/2019 đến ngày 30/01/2019.

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 327 của Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Lê Thị Thúy N 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 328, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo bị cáo Triệu Thị T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/7/2019, bị cáo Lê Thị Thuý N, Triệu Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án hình sự sơ thẩm đã nêu.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị Thuý N về tội: “*Chứa mại dâm*” theo khoản 1 Điều 327 và bị cáo Triệu Thị T về tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự 2015 là có cơ sở đảm bảo đúng người, đúng tội. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp lần đầu ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo N đã chấp hành nộp phạt số tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm. Bị cáo N có bà Nội được tặng danh hiệu “Bà Mẹ Việt Nam anh hùng”, có bác ruột là Liệt sĩ. Xét thấy các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên việc bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly các bị cáo với xã hội là không cần thiết mà chỉ cần cho các bị cáo được hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thuý N và bị

cáo Triệu Thị T, sửa bản án số 33/2019/HSST ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc về hình phạt.

Áp dụng, khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thuý N 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng.

Áp dụng, khoản 1 Điều 328, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Triệu Thị T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Lê Thị Thuý N và Triệu Thị T không tranh luận gì thêm, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận của các bị cáo Lê Thị Thuý N và Triệu Thị T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Do mục đích tư lợi nên khoảng 13 giờ ngày 24/01/2019, Lê Thị Thuý N đã thỏa thuận nhận tiền của Hoàng Việt P dùng nhà nghỉ của mình quản lý ở tổ dân phố M thị trấn P, huyện P làm địa điểm cho Triệu Thị T và Trần Thị Mỹ L bán dâm cho Hoàng Kim K và Hoàng Việt P. Triệu Thị T môi giới cho Trần Thị Mỹ L đến bán dâm cho Hoàng Kim K, các bị cáo thu lợi bất chính số tiền 1.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị Thuý N về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự; bị cáo Triệu Thị T về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Thị Thuý N và Triệu Thị T thì thấy: Mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo N và mức hình phạt 06 tháng tù đối với bị cáo T là tương xứng với tính chất mức độ và hành vi của bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo N đã nộp đầy đủ số tiền nộp phạt bổ sung và tiền án phí sơ thẩm thể hiện sự ăn năn hối lỗi của mình. Bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi 02 con nhỏ, gia đình bị cáo Lê Thị Thuý N có công với cách mạng có bác ruột là Liệt sĩ, bà nội được nhà nước tặng thưởng danh hiệu “ Bà Mẹ Việt Nam anh hùng”. Ngoài lần vi phạm này các bị cáo đều chấp hành tốt chủ trương chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước, có nơi cư

trú ổn định. Xét thấy việc bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là không cần thiết mà chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho các bị cáo hưởng án treo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương cùng với sự phối hợp của gia đình bị cáo là phù hợp, như vậy cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật nhà nước ta. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thuý N và Triệu Thị T, sửa Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thuý N và bị cáo Triệu Thị T – Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2019/HSST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thuý N** 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Chứa mại dâm” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[3] Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Triệu Thị T** 06 (Sáu) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Thuý N cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, Giao bị cáo Triệu Thị T cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là nơi các bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Thị Thuý N, Triệu Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị

kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Sở Tư Pháp;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã K, huyện P;
- UBND thị trấn N, huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Thông Kbuôr